



## QUICK NOTE

**CÂU 17.** Khẳng định nào sau đây đúng?

**(A)**  $\sin 90^\circ < \sin 100^\circ$ .

**(B)**  $\cos 95^\circ > \cos 100^\circ$ .

**(C)**  $\tan 85^\circ < \tan 125^\circ$ .

**(D)**  $\cos 145^\circ > \cos 125^\circ$ .

**CÂU 18.** Tính diện tích  $S$  của tam giác  $ABC$  có độ dài ba cạnh là 5 cm, 7 cm và 8 cm.

**(A)**  $S = 140 \text{ cm}^2$ .

**(B)**  $S = 10\sqrt{3} \text{ cm}^2$ .

**(C)**  $S = 20 \text{ cm}^2$ .

**(D)**  $S = 60\sqrt{13} \text{ cm}^2$ .

**CÂU 19.** Cho tam giác  $ABC$  có  $AC = 5 \text{ cm}$ ,  $BC = 8 \text{ cm}$  và diện tích  $S = 10\sqrt{3} \text{ cm}^2$ . Tìm số đo góc  $ACB$ .

**(A)**  $\widehat{ACB} = 60^\circ$ .

**(B)**  $\widehat{ACB} = 45^\circ$ .

**(C)**  $\widehat{ACB} = 90^\circ$ .

**(D)**  $\widehat{ACB} = 30^\circ$ .

**CÂU 20.** Cho tam giác  $ABC$  bất kì có  $AB = c$ ,  $BC = a$ ,  $AC = b$  và  $R$  là bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác  $ABC$ . Đẳng thức nào sau đây là đẳng thức đúng?

**(A)**  $\frac{a}{\sin A} = \frac{b}{\sin B} = \frac{c}{\sin C} = R$ .

**(B)**  $\frac{a}{\sin A} = \frac{b}{\sin B} = \frac{c}{\sin C} = 2R$ .

**(C)**  $\frac{a}{\sin A} = \frac{b}{\sin B} = \frac{c}{\sin C} = \frac{1}{2R}$ .

**(D)**  $\frac{a}{\sin A} = \frac{b}{\sin B} = \frac{c}{\sin C} = \frac{1}{R}$ .

**CÂU 21.** Cho tam giác  $ABC$  có  $\widehat{B} = 45^\circ$ ,  $\widehat{C} = 75^\circ$  và cạnh  $BC = 5$ . Bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác  $ABC$  là

**(A)** 5.

**(B)**  $\frac{5}{2}$ .

**(C)**  $\frac{5\sqrt{3}}{3}$ .

**(D)**  $\frac{5\sqrt{3}}{2}$ .

**CÂU 22.** Cho tam giác  $ABC$  có các cạnh  $BC = a = 6 \text{ cm}$ ,  $AC = b = 7 \text{ cm}$ ,  $AB = c = 5 \text{ cm}$ . Tính  $\cos B$ .

**(A)**  $\cos B = \frac{5}{7}$ .

**(B)**  $\cos B = \frac{19}{35}$ .

**(C)**  $\cos B = \frac{1}{15}$ .

**(D)**  $\cos B = \frac{1}{5}$ .

**CÂU 23.** Cho tam giác  $ABC$  có  $BC = a$ ,  $CA = b$ ,  $AB = c$ . Chọn đẳng thức sai.

**(A)**  $b^2 = a^2 + c^2 - 2ac \cos B$ .

**(B)**  $a^2 = b^2 + c^2 - 2bc \cos A$ .

**(C)**  $c^2 = b^2 + a^2 + 2ab \cos C$ .

**(D)**  $c^2 = b^2 + a^2 - 2ab \cos C$ .

**CÂU 24.** Trong tam giác  $ABC$  có

**(A)**  $m_a = \frac{b+c}{2}$ .

**(B)**  $m_a > \frac{b+c}{2}$ .

**(C)**  $m_a < \frac{b+c}{2}$ .

**(D)**  $m_a = b + c$ .

**CÂU 25.** Cho tam giác  $ABC$  có góc  $\widehat{B} = 60^\circ$ ,  $\widehat{C} = 45^\circ$ ,  $AB = 9$ . Độ dài cạnh  $AC$  là

**(A)**  $\frac{6\sqrt{6}}{2}$ .

**(B)**  $3\sqrt{6}$ .

**(C)**  $\frac{9\sqrt{6}}{2}$ .

**(D)**  $\frac{4\sqrt{6}}{3}$ .

**CÂU 26.**

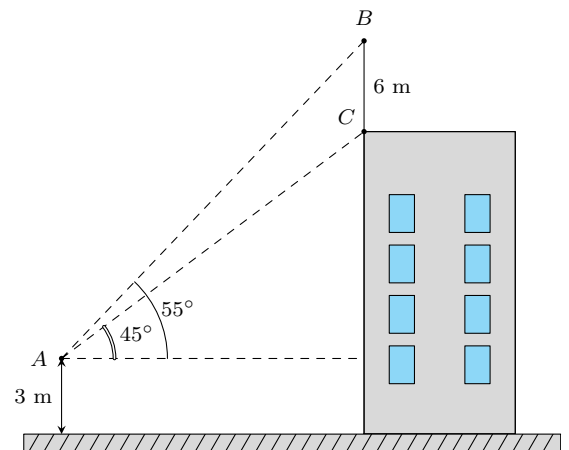
Trên nóc một tòa nhà có một cột ăng-ten cao 6 m. Từ vị trí quan sát  $A$  cao 3 m so với mặt đất, có thể nhìn thấy đỉnh  $B$  và chân  $C$  của cột ăng-ten dưới góc  $55^\circ$  và  $45^\circ$  so với phương ngang. Chiều cao của tòa nhà gần nhất với số nào dưới đây?

**(A)** 17 m.

**(B)** 17,1 m.

**(C)** 18,1 m.

**(D)** 18 m.

**CÂU 27.** Cho tam giác  $ABC$  có  $BC = 5 \text{ cm}$ , góc  $\widehat{BAC} = 30^\circ$ . Bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác  $ABC$  bằng

**(A)** 5 cm.

**(B)** 10 cm.

**(C)**  $5\sqrt{3} \text{ cm}$ .

**(D)**  $\frac{5\sqrt{3}}{3} \text{ cm}$ .

**CÂU 28.** Cho tam giác  $ABC$  có  $AB = \sqrt{2}$ ,  $\widehat{B} = 60^\circ$ ,  $\widehat{C} = 45^\circ$ . Tính độ dài đoạn  $AC$ .

**(A)**  $AC = \sqrt{3}$ .

**(B)**  $AC = \frac{\sqrt{3}}{2}$ .

**(C)**  $AC = 3$ .

**(D)**  $AC = \frac{\sqrt{3}}{3}$ .

**CÂU 29.** Cho tam giác  $ABC$  có  $a = 13 \text{ m}$ ,  $b = 14 \text{ m}$ ,  $c = 15 \text{ m}$ . Tính diện tích  $S$  của tam giác  $ABC$ .

**(A)**  $S = 84 \text{ m}^2$ .

**(B)**  $S = 90 \text{ m}^2$ .

**(C)**  $S = 76 \text{ m}^2$ .

**(D)**  $S = 80 \text{ m}^2$ .

